

CÔNG TY:
Địa chỉ:
Tel: Fax:

Báo cáo tài chính
Quý ... năm tài chính

Mẫu số

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		82,049,680,300	71,540,900,696
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,039,808,973	5,139,670,481
1. Tiền	111		1,039,808,973	5,139,670,481
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8,648,000,000	4,930,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10,170,000,000	6,060,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1,522,000,000)	(1,130,000,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34,008,970,190	32,614,885,292
1. Phải thu khách hàng	131		29,778,108,202	27,531,812,007
2. Trả trước cho người bán	132		3,544,132,588	4,272,711,465
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		686,729,400	810,361,820
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		31,676,233,895	22,886,039,556
1. Hàng tồn kho	141		31,676,233,895	22,886,039,556
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,676,667,242	5,970,305,367
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,025,462,314	1,381,369,930
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5,651,204,928	4,588,935,437
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23,097,820,069	27,346,832,106
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		9,140,567,301	12,954,290,675
1. Tài sản cố định hữu hình	221		9,140,567,301	12,954,290,675
- Nguyên giá	222		24,715,928,509	24,578,363,697
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15,575,361,208)	(11,624,073,022)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-

IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13,656,756,756	13,556,756,756
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		13,656,756,756	13,556,756,756
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		300,496,012	835,784,675
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		300,496,012	835,784,675
2. Tài sản thuê thu nhập hoàn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		105,147,500,369	98,887,732,802
NGUỒN VỐN			-	-
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		53,235,236,656	47,182,342,989
I. Nợ ngắn hạn	310		52,935,970,819	46,646,877,152
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		16,933,929,822	8,996,806,220
2. Phải trả người bán	312		27,127,113,275	31,652,604,717
3. Người mua trả tiền trước	313		-	1,305,379,264
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		2,390,257,003	952,728,257
5. Phải trả người lao động	315		299,533,266	2,301,259,355
6. Chi phí phải trả	316		3,814,991,899	385,227,263
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1,924,892,962	861,419,484
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		445,252,592	191,452,592
II. Nợ dài hạn	330		299,265,837	535,465,837
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		289,800,000	526,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		9,465,837	9,465,837
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51,912,263,713	51,705,389,813
I. Vốn chủ sở hữu	410		51,912,263,713	51,705,389,813
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		43,999,960,000	40,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,943,790,000	2,943,790,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1,370,000,000	870,000,000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		673,239,412	353,000,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		338,599,813	147,201,696
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2,586,674,488	7,391,398,117
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CŨ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		105,147,500,369	98,887,732,802
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG			-	-

1. Tài sản thuê ngoài	01		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		-	-
5. Ngoại tệ các loại	05		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		-	-

CÔNG TY: Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico
Địa chỉ: Tầng 11, Toà nhà Vinaconex9, Khu đô thị Mễ Trì hạ, Đường
Phạm Hùng Từ Liêm Hà Nội
Tel: 04.37877466 Fax: 04.37877467

Báo cáo tài chính

Quý IV năm tài chính 2011

Mẫu số B 02 - DN

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ

Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		17,649,462,252	21,806,155,747	69,947,794,228	87,396,621,501
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		17,649,462,252	21,806,155,747	69,947,794,228	87,396,621,501
4. Giá vốn hàng bán	11		14,468,320,059	18,383,089,177	58,760,284,857	76,989,682,448
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		3,181,142,193	3,423,066,570	11,187,509,371	10,406,939,053
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		493,827,664	806,793,149	822,978,102	926,639,674
7. Chi phí tài chính	22		1,049,014,938	343,233,615	3,721,302,357	1,372,428,883
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	343,233,615	-	1,372,428,883
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,780,507,932	1,688,856,618	5,265,852,549	4,959,168,457
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22) - (24+25)}	30		845,446,987	2,197,769,486	3,023,332,567	5,001,981,387
11. Thu nhập khác	31		461,145,455	23,871,635	461,145,455	4,418,821,490
12. Chi phí khác	32		-	158,888,895	778,704	175,744,931
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		461,145,455	-135,017,260	460,366,751	4,243,076,559
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		1,306,592,442	2,062,752,226	3,483,699,318	9,245,057,946
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		352,748,111	382,271,565	897,024,830	2,190,897,996
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		953,844,331	1,680,480,661	2,586,674,488	7,054,159,950
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-	-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		-	-	-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		217	420	588	1,764

CÔNG TY: Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico
Địa chỉ: Tầng 11, Toà nhà Vinaconex9, Khu đô thị Mễ Trì hạ, Đường
Phạm Hùng Từ Liêm Hà Nội
Tel: 04.37877466 Fax: 04.37877467

Báo cáo tài chính

Quý IV năm tài chính 2011

Mẫu số B 03 - DN

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT - QUÝ

Chỉ tiêu	Mã chỉ TM tiêu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		-	-
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	47,923,993,662	87,325,387,873
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(28,564,819,545)	(67,126,771,495)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8,481,669,509)	(5,799,618,800)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(2,800,864,476)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	45,333,757,055	46,520,808,754
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(53,110,996,414)	(53,240,810,085)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3,100,265,249	4,878,131,771
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(268,564,812)	(274,404,090)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10,100,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5,537,035,629	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34,950,435	88,318,007
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4,796,578,748)	(186,086,083)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	16,090,040,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	24,662,361,685	358,186,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(27,065,909,694)	(17,474,591,909)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2,403,548,009)	(1,026,365,909)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(4,099,861,508)	3,665,679,779
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5,139,670,481	1,473,990,702
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	1,039,808,973	5,139,670,481

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2-2, khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, Từ Liêm Hà Nội.

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico (“Công ty”), tiền thân là Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008361 ngày 4 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được sửa đổi như sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>
Số 0103008361 ngày 30 tháng 12 năm 2005	Thay đổi địa chỉ
Số 0103008361 ngày 5 tháng 3 năm 2007	Thay đổi tỷ lệ góp vốn và người đại diện
Số 0103008361 ngày 24 tháng 5 năm 2007	Tăng vốn và thay đổi người đại diện
Số 0103008361 ngày 24 tháng 5 năm 2007	Thay đổi người đại diện
Số 0103008361 ngày 25 tháng 3 năm 2008	Thay đổi người đại diện
Số 0103008361 ngày 23 tháng 10 năm 2008	Tăng vốn điều lệ
Số 0101715540 ngày 06 tháng 08 năm 2010	Thay đổi địa chỉ và tăng vốn điều lệ

Vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm lập báo cáo là 43.999.960.000 đồng tuy nhiên tại thời điểm lập báo cáo công ty chưa làm thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2-2 Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, Từ Liêm Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, công trình thể thao, thương mại, công nghiệp, giao thông thủy lợi và công trình điện cao thế 35 KV; kinh doanh vật liệu xây dựng và chuẩn bị mặt bằng xây dựng (bốc dỡ, dọn dẹp, san lấp), khai thác mỏ; thăm dò, khai thác khoáng sản; các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

2.3. Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam

a) Luật Kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2-2, khu đô thị Mỹ Đình Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, Từ Liêm Hà Nội.

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tồn quỹ tại Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính và có sự kiểm kê đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được đối chiếu số dư với các ngân hàng này tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, sau khi lập dự phòng cho các loại hàng hư hỏng, lỗi thời. Giá gốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2-2, khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, Từ Liêm Hà Nội.

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ hoạt động xây lắp được xác định như sau:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang cuối kỳ từng} \\ \text{công trình} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang đầu kỳ từng} \\ \text{công trình} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang phát sinh trong} \\ \text{kỳ từng công trình} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn ghi nhận} \\ \text{trong kỳ của từng} \\ \text{công trình} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{từng công} \\ \text{trình} \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{Dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Giá trị sản lượng thực hiện} \\ \text{dở dang đầu kỳ (không bao} \\ \text{gồm thuế GTGT)} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Giá trị sản lượng thực} \\ \text{hiện trong kỳ (không} \\ \text{bao gồm thuế GTGT)} \end{array}} \times \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{ghi nhận} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

2.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không được sử dụng nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị nhà xưởng và máy móc thiết bị chưa được hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt và được thể hiện theo nguyên giá. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được trích khấu hao cho tới khi các tài sản đó hoàn thành và được đưa vào sử dụng.

2.9. Các khoản đầu tư

a) Các khoản đầu tư ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2-2, khu đô thị Mỹ Đình Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, Từ Liêm Hà Nội.

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu, công trái, chứng khoán niêm yết có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm. Giá trị các khoản đầu tư ngắn hạn này được xác định theo giá mua thực tế.

b) Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản lợi nhuận được phân phối từ lợi nhuận lũy kế của các công ty con và công ty liên kết sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

c) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giảm giữa giá trị đầu tư theo sổ sách với giá trị thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng được thực hiện cho từng khoản đầu tư và từng loại chứng khoán thuộc sở hữu của Công ty.

2.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

2.11. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ hơn 1 năm đến 3 năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí trả trước dài hạn khác.

2.12. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2-2, khu đô thị Mỹ Đình Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, Từ Liêm Hà Nội.

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2.13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

2.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở thực tế vốn góp.

b) Ghi nhận cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các chủ sở hữu sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng chủ sở hữu.

2.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2-2, khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, Từ Liêm Hà Nội.

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

c) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Hợp đồng xây dựng

a) Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- (i) Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng; và
- (ii) Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Căn cứ để xác định doanh thu từ hợp đồng xây dựng là khối lượng công việc hoàn thành theo công trình hoặc hạng mục công trình và đơn giá hợp đồng mới nhất được duyệt. Khối lượng công việc hoàn thành là khối lượng đã được chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư xác nhận thông qua Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp giá trị thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp khối lượng xây lắp hoàn thành v.v...

b) Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- (i) Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng;
- (ii) Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng cụ thể (bao gồm cả chi phí đi vay nếu thỏa mãn các điều kiện chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định);
- (iii) Các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng.

c) Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính.
- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.
- (iii) Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

2.17. Thuê hoạt động

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2-2, khu đô thị Mỹ Đình Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, Từ Liêm Hà Nội.

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

2.19. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.20. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

2.21. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

3. Tiền

Nội dung	31.12.2010	31.12.2011
Tiền mặt	3.780.579.382	1.000.759.253
Tiền gửi ngân hàng	1.359.091.099	39.049.720
	5.139.670.481	1.039.808.973

4. Đầu tư ngắn hạn

Nội dung	31.12.2010	31.12.2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Vật liệu mới Vinavico	1.960.000.000	1.960.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Vinavico	150.000.000	150.000.000
Công ty cổ phần ứng dụng công nghệ và CNC	1.300.000.000	
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại & Du lịch Thành Đô	500.000.000	500.000.000
Bùi Văn Thọ	150.000.000	
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ Tầng Vinavico	2.000.000.000	
Công ty Cổ phần công trình ngầm		7.560.000.000
	6.060.000.000	10.170.000.000

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn với mức lãi suất từ 1,25%/tháng đến 1,5%/tháng.

5. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2-2, khu đô thị Mỹ Đình Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, Từ Liêm Hà Nội.

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nội dung	31.12.2010	31.12.2011
Số dư đầu năm	693.000.000	1.130.000.000
Tăng dự phòng trong năm	437.000.000	392.000.000
Khoản dự phòng sử dụng trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	1.130.000.000	1.522.000.000

Đây là khoản trích dự phòng đối với số dư gốc cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Truyền thông Vinavico đã quá hạn với mức trích lập là 100% và Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Vật liệu mới Vinavico với mức trích lập là 70%.

6. Hàng tồn kho

Nội dung	31.12.2010	31.12.2011
Nguyên liệu, vật liệu	2.047.101.085	3.020.259.439
Công cụ, dụng cụ	104.218.719	62.601.100
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	18.827.342.978	28.018.968.847
Hàng gửi đi bán	2.018.479.631	574.404.509
	22.997.142.413	31.676.233.895

7. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	21.668.931.832	2.669.451.861	239.980.004	24.578.363.697
Tăng trong năm	145.181.818		670.382.994	815.564.812
<i>Trong đó:</i>				
Mua mới	145.181.818		670.382.994	815.564.812
Giảm trong năm	678.000.000	-	-	678.000.000
Số dư tại ngày 31.12.2011	21.075.562.698	2.669.451.861	910.362.998	24.715.928.509
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu năm	10.858.835.953	626.055.612	139.181.457	11.624.073.022
Tăng trong năm	3.947.448.439	499.987.769	181.851.978	4.629.288.186
Giảm trong năm	678.000.000	-	-	678.000.000
Số dư tại ngày 31.12.2011	14.128.284.392	1.126.043.381	321.033.435	15.575.361.208
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	10.808.925.879	2.044.566.249	100.798.547	12.954.290.675
Số dư tại ngày 31.12.2011	6.947.278.306	1.543.408.480	589.329.563	9.140.567.301

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2-2, khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, Từ Liêm Hà Nội.

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Tên công ty con	31.12.2010		31.12.2011	
	Số lượng	Giá trị đầu tư	Số lượng	Giá trị đầu tư
Công ty Cổ phần Vinavico	1.200.000	13.556.756.756	1.200.000	13.556.756.756
Công ty Cổ phần CN khoáng sản Vinavico		-		100.000.000
	1.200.000	13.556.756.756	1.200.000	13.656.756.756

8. Vay và nợ

Nội dung	31.12.2010	31.12.2011
Vay ngắn hạn	8.629.806.220	16.529.329.822
Vay ngân hàng	7.887.370.220	13.877.329.822
Vay các bên liên quan	200.000.000	200.000.000
Vay cá nhân	542.436.000	2.452.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	352.100.000	404.600.000
Vay ngân hàng	352.100.000	404.600.000
Vay dài hạn	540.900.000	289.800.000
Vay ngân hàng	540.900.000	289.800.000
Cộng	9.522.806.220	17.223.729.822

9. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	Số dư đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư tại ngày 31.12.2011
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ				
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	1.381.369.930	5.936.508.459	6.292.416.075	1.025.462.314
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	94.882.184	6.363.731.158	7.042.504.369	773.655.395
Thuế thu nhập doanh nghiệp	821.987.184	331.333.616	935.906.509	1.426.560.077
Thuế thu nhập cá nhân	35.858.889	58.737.934	212.920.576	190.041.531
Các loại thuế khác		3.000.000	3.000.000	
Cộng	815.324.626	6.756.802.708	8.194.331.454	2.390.257.003

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng dịch vụ như sau:

Dịch vụ	Thuế suất
Doanh thu xây lắp	10%
Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị	10%
Bán vật tư	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2-2, khu đô thị Mỹ trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ trì, Từ Liêm Hà Nội.

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2-2, khu đô thị Mỹ trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ trì, Từ Liêm Hà Nội.

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nội dung	31.12.2010	31.12.2011
Lợi nhuận thuần trước thuế	9.245.057.946	3.483.699.318
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận	118.534.036	105.178.704
Các khoản điều chỉnh tăng	118.534.036	105.178.704
- <i>Phụ cấp Hội đồng quản trị</i>	<i>104.400.000</i>	<i>104.400.000</i>
- <i>Tiền phạt nộp chậm thuế</i>	<i>14.156.036</i>	<i>778.704</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	600.000.000	
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	8.763.591.982	3.588.878.022
Lỗi năm trước chuyển sang	-	
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	8.763.591.982	3.588.878.022
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả ước tính	2.190.897.996	897.024.830
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	1.318.640.942	821.987.184
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	(2.190.897.996)	(331.333.616)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối kỳ	708.674.462	1.426.560.077

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2-2, khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, Từ Liêm Hà Nội.

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Vốn chủ sở hữu***Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu trong năm như sau*

Nội dung	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lãi lũy kế	Tổng cộng
Số dư 31.12.2009	26.778.000.000	75.750.000	455.000.000	145.000.000	64.201.696	4.164.237.137	31.682.188.833
Tăng vốn trong năm	13.222.000.000	2.868.040.000	-	-	-	-	16.090.040.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	415.000.000	208.000.000	83.000.000	(706.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	7.391.398.117	7.391.398.117
Chi thường ban quản lý công ty	-	-	-	-	-	(244.877.137)	(244.877.137)
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	(3.213.360.000)	(3.213.360.000)
Số dư 31.12.2010	40.000.000.000	2.943.790.000	870.000.000	353.000.000	147.201.696	7.391.398.117	51.705.389.813
Tăng vốn trong năm	3.999.960.000	-	-	-	-	-	3.999.960.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	500.000.000	400.000.000	191.398.117	(1.391.398.117)	(1.391.398.117)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	2.586.674.488	2.586.674.488
Nộp thuế bổ sung và phạt thuế theo quyết định của cơ quan thuế sau quyết toán	-	-	-	(79.760.588)	-	-	(79.760.588)
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Số dư 31.12.2011	43.999.960.000	2.943.790.000	1.370.000.000	673.239.412	338.599.813	2.586.674.488	51.912.263.713

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINA VICO

Địa chỉ: Tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2-2, khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, Từ Liêm Hà Nội.

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động vốn cổ phần trong năm như sau

Nội dung	31.12.2010	31.12.2011
Vốn cổ phần đầu năm	26.778.000.000	40.000.000.000
Vốn cổ phần tăng trong năm	13.222.000.000	3.999.960.000
Vốn cổ phần cuối kỳ	40.000.000.000	43.999.960.000
<hr/>		
Cổ tức, lợi nhuận đã tạm chia	3.213.360.000	7.391.398.117

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2-2, khu đô thị Mỹ trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ trì, Từ Liêm Hà Nội.

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

Nội dung	31.12.2010	31.12.2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	399.996
<i>Cổ phiếu thường</i>	4.000.000	399.996
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.399.996
<i>Cổ phiếu thường</i>	4.000.000	4.399.996

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

11. Doanh thu

Nội dung	31.12.2010	31.12.2011
Doanh thu hoạt động xây lắp	82.111.216.106	64.801.938.634
Doanh thu hoạt động bán vật tư, hàng hóa	5.285.405.395	5.145.855.594
	87.396.621.501	69.947.794.228

12. Giá vốn hàng bán

Nội dung	31.12.2010	31.12.2011
Giá vốn hoạt động xây lắp	72.793.149.560	54.053.184.702
Giá vốn hoạt động bán vật tư, hàng hóa	4.660.184.147	4.707.100.155
	77.453.333.707	58.760.284.857

13. Doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung	31.12.2010	31.12.2011
Lãi tiền gửi ngân hàng	88.318.007	30.422.935
Lãi tiền cho vay	238.321.667	792.555.167
Cổ tức lợi nhuận được chia	600.000.000	
	926.639.674	822.978.102

14. Chi phí tài chính

Nội dung	31.12.2010	31.12.2011
Chi phí lãi vay	1.372.428.883	3.721.302.357
Lãi trả chậm		
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
	1.372.428.883	3.721.302.357

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2-2, khu đô thị Mỹ Đình Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, Từ Liêm Hà Nội.

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Nội dung	31.12.2010	31.12.2011
Chi phí nhân viên quản lý	2.182.720.798	2.615.346.752
Chi phí đồ dùng văn phòng	135.710.493	87.755.923
Chi phí khấu hao TSCĐ	294.761.430	488.903.778
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3000.000
Chi phí dự phòng	437.000.000	392.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.662.033.022	1.296.010.551
Chi phí bằng tiền khác	243.942.714	382.835.545
	4.959.168.457	5.265.852.549

16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu*Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:*

Nội dung	31.12.2010	31.12.2011
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông		
- Lợi nhuận thuần trong năm	7.054.159.950	2.586.674.488
- Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi	-	-
Lợi nhuận thuần chia cho cổ đông phổ thông	7.054.159.950	2.586.674.488
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm		
- Số lượng cổ phiếu đầu năm	2.677.800	4.000.000
- Số lượng cổ phiếu bình quân phát hành trong kỳ	1.322.200	399.996
- Số lượng cổ phiếu bình quân mua lại trong kỳ	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân trong kỳ	4.000.000	4.399.996
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.764	588

17. Giao dịch và số dư với các bên liên quan*Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị	
			31.12.2010	31.12.2011
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	Công ty liên kết	Doanh thu xây lắp	74.948.012.837	23.078.925.300
		Mua vật tư, hàng hoá	(4.457.546.769)	(913.047.016)
		Tạm ứng cổ tức	(648.060.000)	
		Phí bảo lãnh	-	
		Thuê máy móc	-	
		Mua tài sản cố định	(340.909.091)	
Công ty Cổ phần Vinavico	Công ty liên kết	Lãi vay phải trả	(337.976.606)	
		Góp vốn	(13.556.756.756)	(13.556.756.756)
		Nhận tiền vay	200.000.000	200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2-2, khu đô thị Mỹ trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ trì, Từ Liêm Hà Nội.

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty bán hàng cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường. Công ty mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá trên thị trường được chiết khấu tùy theo khối lượng hàng mua và mối quan hệ giữa các bên.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Phải thu/(Phải trả)	
			31.12.2010	31.12.2011
Đầu tư ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Vật liệu mới Vinavico	Công ty liên kết	Cho vay	1.960.000.000	1.960.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Vinavico	Công ty liên kết	Cho vay	150.000.000	150.000.000
Công ty CP TM DL Thành Đô	Công ty liên kết	Cho vay		500.000.000
Công ty cổ phần xây dựng công trình ngầm		Cho vay		7.560.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết				
Công ty Cổ phần Vinavico	Công ty liên kết	Góp vốn	13.556.756.756	13.556.756.756
Công ty Cổ phần CN khoáng sản Vinavico	Công ty liên kết	Góp vốn	-	100.000.000
Phải thu khách hàng				
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	Công ty liên kết	Doanh thu xây lắp	27.039.598.503	18.505.656.228
Phải trả cho người bán				
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	Công ty liên kết	Vật tư, hàng hoá		

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm cuối kỳ không cần đảm bảo, có lãi và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ.

Lập, ngày 23 tháng 01 năm 2012

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Công Đường

Nguyễn Ngọc Khiêm